TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNPHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 11 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước**

2. Bà **Dương Thị Tú Phương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Văn An** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H,** sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn P,** sinh năm 1978**;** Địa chỉ: ấp L, P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2019, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P tự nguyện sống chung từ năm 2006, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/12/2007. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 11/2016 do vợ chồng mâu thuẫn, anh P bỏ đi đến nay không về. Chị đã yêu cầu tuyên bố anh P mất tích và Tòa án đã giải quyết chấp nhận yêu cầu của chị tại

Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2019/QĐST-DS ngày 05/6/2019. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Bùi Trần Quốc B, sinh ngày 04/10/2009 và Bùi Trần Như Y, sinh ngày 02/6/2014, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai người con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Bùi Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.***

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: xét thấy chị H và anh P có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị H và anh P là hợp pháp. Căn cứ theo khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh P.

+ Về con chung: Cháu B và cháu Ý sống chung với chị H, có cuộc sống ổn định, anh P không tranh chấp nên đề nghị tiếp tục giao cháu Bùi Trần Quốc B, sinh ngày 04/10/2009 và Bùi Trần Như Y, sinh ngày 02/6/2014 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P, nơi cư trú cuối cùng của anh P là trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh P là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P tự nguyện sống chung từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị H và anh P đã ly thân từ khoảng tháng 11/2016 do mâu thuẫn, anh P bỏ đi đến nay không về. Tại Quyết

định giải quyết việc dân sự số 02/2019/QĐST-DS ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long đã tuyên bố anh P mất tích và quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Theo khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn"*. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh P.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do chị H cung cấp và lời khai của chị H thì chị H và anh P có hai người con chung là Bùi Trần Quốc B, sinh ngày 04/10/2009 và Bùi Trần Như Y, sinh ngày 02/6/2014. Cháu B đã đủ 07 tuổi nhưng do bị khuyết tật thần kinh tâm thần nặng nên Thẩm phán không lấy ý kiến được. Xét thấy cháu B hiện do chị H chăm sóc, cháu Ý sống với chị H phát triển bình thường, do anh P hiện đang mất tích, nên căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H: Giao cháu Bùi Trần Quốc B, sinh ngày 04/10/2009 và Bùi Trần Như Y, sinh ngày 02/6/2014 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn P.

2. Về con chung:

Giao cháu Bùi Trần Quốc B, sinh ngày 04/10/2009 và Bùi Trần Như Y, sinh ngày 02/6/2014 cho chị Trần Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng và giáo dục. Anh Bùi Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Trần Thị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Chị Trần Thị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị H đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004290 ngày 05/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Bùi Văn P không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly